

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 30

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC**

Số nhà 30M2 khu đô thị mới Yên Hoà, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009.

#### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/03/2004. Trong năm 2009, các lần thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh như sau:

- Thay đổi lần thứ năm ngày 21/07/2009 với nội dung chuyển trụ sở Công ty từ Lô số M13 (C4-9) Khu Công nghiệp Hoà Xá, tỉnh Nam Định về số 30M2 khu đô thị mới Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội và bổ sung ngành nghề kinh doanh bán buôn thuốc; thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Thay đổi lần thứ sáu ngày 17/11/2009 với nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ từ 41.688.000.000 đồng lên thành 56.800.000.000 đồng.
- Thay đổi lần thứ bảy ngày 30/11/2009 và lần thứ 8 ngày 08/12/2009.

Theo Giấy đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 08/12/2009, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 đồng, chia thành 5.680.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Chi tiết các cổ đông và vốn góp đã thực hiện đến ngày 31/12/2009 trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

Công ty có trụ sở chính tại số 30M2 khu đô thị mới Yên Hoà, phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

#### **CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

Công ty đã đầu tư thành lập các công ty khác và nắm quyền kiểm soát trong việc ra các quyết định tài chính và quyết định kinh doanh của các công ty này. Theo đó, Tập đoàn Nam Dược được hình thành, bao gồm: Công ty Cổ phần Nam Dược, giữ vai trò là Công ty mẹ cùng với các công ty con chịu sự kiểm soát.

#### **Các công ty con**

Tại ngày 31/12/2009, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được tập hợp số liệu và thông tin để lập và trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 1.3.

#### **HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH**

Các hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn trong năm bao gồm:

- Kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu;
- Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh trang thiết bị y tế;
- Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm;
- Nuôi trồng cây dược liệu;
- Bán buôn thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng;
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng;
- Sản xuất thuốc hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Sản xuất trang thiết bị y tế; và
- Mua bán dược phẩm, dược liệu và nguyên liệu làm thuốc.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và các công ty con, ngoại trừ công ty con không được hợp nhất như đã trình bày tại thuyết minh số 4.7.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 33 kèm theo.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị:**

Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch	
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên	Từ ngày 21/06/2009
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Đức Hải	Thành viên	
Ông Vũ Mạnh Cường	Thành viên	Đến ngày 10/05/2009
Bà Nguyễn Ngọc Oanh	Thành viên	Đến ngày 10/05/2009
Bà Dương Thị Lan	Thành viên	

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Lê Xuân Hạnh	Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/07/2009
Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/07/2009
Ông Hoàng Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 26/06/2009

**Kế toán trưởng:**

Bà Dương Lệ Hương		Đến ngày 01/02/2010
Bà Trần Thị Anh Đức		Từ ngày 01/02/2010

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lựa chọn phương pháp thích hợp để kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và trình bày thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở các điều kiện thực tế tại ngày lập báo cáo.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

---

**Hoàng Minh Châu**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2010*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành tại Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:**

### ***Hạn chế về phạm vi kiểm toán***

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng khách quan cần thiết về tính hiện hữu của số dư các khoản công nợ bao gồm: 31,4 tỷ đồng Phải thu khách hàng, hơn 4,5 tỷ đồng Trả trước người bán, 16,1 triệu đồng Phải thu khác, hơn 22,2 tỷ đồng Phải trả người bán, 262 triệu đồng Người mua trả tiền trước, và 2,5 triệu đồng Phải trả phải nộp khác. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở đưa ý kiến về các khoản mục này tương ứng với các giá trị nêu trên trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009 và các ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Chúng tôi chưa thu thập được các tài liệu hợp lý về việc ghi nhận kết quả giao dịch của một số lô hàng hóa với giá vốn 7,4 tỷ đồng và doanh thu 18,8 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá mức độ tin cậy của các giao dịch này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính kèm theo.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.7, tại ngày 31/12/2009, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đang tạm ngừng hoạt động và khoản đầu tư vào công ty con này được trình bày trên Bảng cân đối kế toán của Công ty theo giá gốc. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến tình hình tài chính của công ty này cũng như phương án triển khai hoạt động kinh doanh hoặc xử lý tài chính của các chủ sở hữu làm cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư dài hạn cũng như giá trị giảm giá khoản đầu tư có thể phải trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2009.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)**

### ***Hạn chế về phạm vi kiểm toán (tiếp)***

Số dư “Phải thu khách hàng” tại ngày 31/12/2009 bao gồm khoản phải thu nội bộ với giá trị 812 triệu đồng chưa được phân tích và xử lý. Chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá việc loại trừ hoàn toàn các số dư nội bộ tại ngày này cũng như ảnh hưởng của chúng đến việc trình bày các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Chúng tôi chưa đối chiếu được số liệu trên biên bản tổng hợp kết quả kiểm kê với kết quả kiểm đếm thực tế tại ngày 31/12/2009 ở Văn phòng Công ty với giá trị 2 tỷ đồng, các phiếu nhập kho trong kỳ không có đầy đủ chữ ký của thủ kho, người giao hàng. Vì vậy chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của hàng tồn kho cuối kỳ cũng như ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết nếu có liên quan đến giá vốn phát sinh trong kỳ cũng như các chỉ tiêu liên quan khác trên báo cáo tài chính.

### ***Các vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán***

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.2, số dư khoản mục “Phải thu khác” tại ngày 31/12/2009 bao gồm các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh nhưng chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính với số tiền hơn 12 tỷ đồng, số phát sinh từ các năm 2007 số tiền 609 triệu đồng, 2008 là 7,8 tỷ đồng và trong năm 2009 là 3,7 tỷ đồng. Phần lớn các khoản chi phí này đều liên quan đến hoạt động kinh doanh cần ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ tương ứng và loại trừ chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế. Ngoài ra, khoản phải thu khác với số tiền là 2,9 tỷ đồng không phân tích được nội dung và đối tượng cụ thể. Giá trị tài sản không có khả năng thu hồi này cần được ghi vào chi phí hoặc tồn thất.

Công ty chưa đánh giá và trích lập dự phòng quá hạn phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng tồn đọng từ các năm 2007 và 2008 với tổng giá trị hơn 28,3 tỷ đồng.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 4.8, Công ty phân bổ chi phí quảng cáo trong thời gian 3 năm thay vì ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh. Số dư tại ngày 31/12/2009 bao gồm: chi phí quảng cáo phát sinh chưa ghi nhận vào các năm trước là 1.387.518.048 đồng và năm 2009 là 1.586.299.631 đồng. Ngoài ra, chi phí liên quan đến số sản phẩm hủy từ năm 2008 do hết hạn sử dụng còn chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh với số tiền 764 triệu đồng.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của những điều chỉnh cần thiết liên quan đến các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo trong điều kiện hoạt động liên tục đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành tại Việt Nam.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà lưu ý người đọc Báo cáo tài chính như sau: Tính đến thời điểm 31/12/2009, Công ty đang trong tình trạng khó khăn về tài chính: lỗ lũy kế đến 31/12/2009 là 37,4 tỷ đồng (chưa tính tới ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các vấn đề bị hạn chế nêu trên). Việc duy trì hoạt động Công ty phụ thuộc vào hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu, hệ thống Ngân hàng thương mại và phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

---

**Phạm Thị Hồng Liên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1131/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN**

**UHY**

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2010

---

**Nguyễn Thị Phương Thảo**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0933/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

**Error! Not a valid link.**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009*

*Đơn vị tính: VND*

**Error! Not a valid link.**

---

**Hoàng Minh Châu**  
**Tổng Giám đốc**  
*Nam Định, ngày 05 tháng 04 năm 2010*

---

**Dương Lệ Hường**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009*

*Đơn vị tính: VND*

**Error! Not a valid link.**

---

**Hoàng Minh Châu**  
**Tổng Giám đốc**  
*Nam Định, ngày 05 tháng 04 năm 2010*

---

**Dương Lệ Hường**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009*

*Đơn vị tính: VND*

**Error! Not a valid link.**

---

**Hoàng Minh Châu**  
**Tổng Giám đốc**  
*Nam Định, ngày 05 tháng 04 năm 2010*

---

**Dương Lệ Hường**  
**Kế toán trưởng**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/03/2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 08/12/2009.

Công ty có trụ sở chính tại số 30M2 khu đô thị mới Yên Hoà, phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 đồng, chia thành 5.680.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Chi tiết các cổ đông và vốn góp đã thực hiện đến ngày 31/12/2009 trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

#### **1.2 Hoạt động kinh doanh chính**

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu;
- Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh trang thiết bị y tế;
- Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm;
- Nuôi trồng cây dược liệu;
- Bán buôn thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng;
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng;
- Sản xuất thuốc hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Sản xuất trang thiết bị y tế; và
- Mua bán dược phẩm, dược liệu và nguyên liệu làm thuốc.

#### **1.3 Cơ cấu tổ chức và phạm vi báo cáo**

Tại ngày 31/12/2009, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty bao gồm

**Error! Not a valid link.**

Báo cáo tài chính của các công ty con nêu trên cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty được hợp nhất vào Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**1.3 Cơ cấu tổ chức và phạm vi báo cáo (tiếp)**

Ngoài ra, Công ty đã góp vốn đầu tư thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với số vốn góp là 510 triệu đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2009, công ty con này vẫn đang ngừng hoạt động, các thành viên đã thỏa thuận về việc thanh lý các tài sản trong thời gian tới. Vì vậy, Công ty con này không được hợp nhất trong báo cáo tài chính kèm theo, khoản đầu tư của Công ty mẹ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất:

**3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất từ các Báo cáo tài chính riêng của Công ty (công ty mẹ) và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất từ ngày mua cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh phù hợp với các chính sách kế toán cũng như nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng tại Công ty mẹ.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (tiếp)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công ty con bị loại trừ khỏi việc hợp nhất báo cáo tài chính khi:

- Quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời vì công ty con này chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- Hoạt động của công ty con bị hạn chế trong thời gian dài và điều này ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho công ty mẹ.

Khoản đầu tư vào công ty con bị loại trừ khỏi việc hợp nhất được trình bày như khoản đầu tư tài chính thông thường và hạch toán theo phương pháp giá gốc.

### **3.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trình bày theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần nhận và cổ tức được hưởng phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các loại chứng khoán đã niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, không bị hạn chế trong các giao dịch chuyển nhượng thì Công ty trích lập dự phòng cho khoản giảm giá chứng khoán trên cơ sở thông tin từ thị trường tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, Công ty trích lập dự phòng tổn thất khi công ty liên kết bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### **3.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### **3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, hỏng, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đối với các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu quy trình kinh doanh bao gồm sản xuất, bảo quản, mua, bán phải tuân thủ các quy định liên quan của Nhà nước.

Phương pháp hạch toán đối với các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao đối với các nhóm tài sản cố định của Công ty như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm sử dụng</b> (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 10
Tài sản cố định khác	8

**3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình là Chi phí san lấp mặt bằng được khấu hao với thời gian 10 năm;

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay, các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay và kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản hoặc sản xuất những sản phẩm cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc để sẵn sàng kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc tập hợp vào chi phí và kết chuyển vào giá thành của sản phẩm chuyển sang khâu kinh doanh, gọi là “vốn hóa chi phí đi vay”. Các khoản thu nhập phát sinh trong quá trình đầu tư và sản xuất (sản phẩm chạy thử, vật tư thu hồi, thu lãi tiền gửi giao dịch tại ngân hàng...) được ghi giảm nguyên giá tài sản hoặc giá thành sản phẩm có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh ngay trong kỳ phát sinh.

### **3.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, chi phí quảng cáo, chi phí hủy thành phẩm do chuyển đổi dây chuyền sản xuất thuốc, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ kế toán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai (02) đến ba (03) năm phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu và các quy định kế toán hiện hành.

### **3.11 Hạch toán ngoại tệ**

Năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại và chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư có gốc ngoại tệ này được phản ánh vào bảng cân đối kế toán dưới chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá”. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá này có sự khác biệt so với số liệu so sánh, cụ thể, năm 2008, khoản chênh lệch tỷ giá này được thể hiện trên kết quả kinh doanh trong kỳ dưới hình thức “Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện”. Khoản lợi nhuận (nếu có) do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được loại trừ khi xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và không dùng để chia cho các cổ đông.

### **3.12 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc thận trọng của kế toán để khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến đối với kết quả kinh doanh, đồng thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp trong việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Số chênh lệch giữa chi phí đã trích trước với chi phí thực tế (nếu có) sẽ được ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tại thời điểm phát sinh chi phí.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo giá trị còn lại của phần tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại cổ phiếu quỹ tái phát hành sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên báo cáo tài chính là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối tại ngày lập báo cáo. Hội đồng Quản trị sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính và thực hiện việc phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn và/hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các qui định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

### **3.14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Đối với doanh thu, giá vốn nội bộ giữa các Công ty trong cùng tập đoàn thì lợi nhuận chưa thực hiện trong hàng tồn kho cuối kỳ được xác định trên cơ sở xác định toàn bộ hàng tồn kho cuối kỳ được mua từ các Công ty này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi tiết kiệm, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

### **3.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

**Thuế suất thuế GTGT:** Thuế suất thuế GTGT của nguyên liệu sản xuất thuốc và dược phẩm là 5%, các mặt hàng thực phẩm chức năng là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và được cộng gộp sau khi đã xác định thuế thu nhập tại từng đơn vị thành viên.

Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 10% trong thời hạn mười lăm năm, Công ty được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ 2006 đến hết 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (đến hết năm 2018). Bên cạnh đó, Công ty được miễn tiền thuê đất 6 năm kể từ khi ký kết hợp đồng thuê đất, miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị máy móc tạo thành tài sản cố định phục vụ cho dự án.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp)**

Ngoài ra, từng hoạt động kinh doanh cụ thể, thuế suất áp dụng trên cơ sở các văn bản của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt ưu đãi đầu tư và các qui định pháp luật hiện hành về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục đã được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trước đó, trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

**Error! Not a valid link. (\*)**: Số dư tại ngày 31/12/2009 bao gồm 456 triệu đồng là số tiền tài trợ của Bộ Công Thương chưa sử dụng hết trong tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. (Xem tại thuyết minh số 4.15).

#### **4.2 Các khoản phải thu khác**

**Error! Not a valid link.**

### **4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

#### **4.2 Các khoản phải thu khác (tiếp)**

- (1) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh nhưng không có chứng từ hợp lệ nên chưa được ghi nhận, chờ xử lý;
- (2) Trong đó, các khoản phải thu phát sinh trong kỳ chưa phân tích được nội dung và đối tượng cụ thể là 2.094.235.936 đồng

#### **4.3 Hàng tồn kho**

**Error! Not a valid link.**

#### **4.4 Tài sản ngắn hạn khác**

**Error! Not a valid link.**

**Error! Not a valid link.**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

**Error! Not a valid link.**

*Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2009 của các Tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 43.085.602.706 đồng.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.6 Tài sản cố định vô hình**

**Error! Not a valid link.**

**4.7 Đầu tư dài hạn khác**

**Error! Not a valid link.**

*(\*)*: Công ty đã thực hiện 50% số vốn góp theo cam kết thành lập công ty con (góp 510 triệu, chiếm 51% quyền biểu quyết). Đến ngày 31/12/2009, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nam Dược đang tạm ngừng hoạt động. Vì vậy, Công ty con này bị loại ra khỏi quá trình hợp nhất, khoản đầu tư của Công ty được trình bày theo phương pháp giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.8 Chi phí trả trước dài hạn**

**Error! Not a valid link.**

**Ghi chú:**

- (1): *Giá trị sản phẩm sản xuất theo công nghệ cũ bị hủy khi Công ty thay đổi công nghệ sản xuất và sản phẩm do hết hạn sử dụng phát sinh năm 2007 và năm 2008.*
- (2): *Chi phí quảng cáo được phân bổ trong thời gian 3 năm kể từ ngày phát sinh.*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.9 Vay và nợ ngắn hạn**

**Error! Not a valid link.**

- (1) *Các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nhận nợ từng lần với thời hạn vay từ 9 đến 12 tháng và lãi suất cố định 10,5%/năm đến 12%/năm;*
- (2) *Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTĐĐ-NHPT ngày 20/04/2009, với thời hạn vay 12 tháng và lãi suất 9,6%/năm;*
- (3) *Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-200900469 ngày 08/07/2009 với hạn mức tín dụng là 4.700.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để thực hiện kế hoạch kinh doanh được phẩm năm 2009; lãi suất tiền vay được thỏa thuận tại từng thời điểm nhận nợ, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng tín dụng; thời hạn vay quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.9 Vay và nợ ngắn hạn (tiếp)**

*Hợp đồng được đảm bảo bằng: Giá trị Quyền sử dụng (QSD) đất ở và quyền sở hữu (QSH) nhà ở theo Giấy chứng nhận QSD đất số AK626847 của Vợ chồng Ông Lê Xuân Hạnh và Bà Dương Thị Hà; Giá trị Quyền sử dụng (QSD) đất ở và QSH nhà ở theo Giấy chứng nhận QSD đất số 10117011539 của Vợ chồng Ông Nguyễn Văn Giang và Bà Nguyễn Thị Nhung; Giá trị Quyền sử dụng (QSD) đất ở và QSH nhà ở theo Giấy chứng nhận QSD đất số 191 của Vợ chồng Ông Đặng Xuân Tuyển và Bà Đỗ Thị Chinh.*

- (4) Các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 030409/HĐTD ngày 03/04/2009 với thời hạn vay 9 tháng và lãi suất vay 10%/năm; và hợp đồng số 25092009/HĐTD ngày 25/09/2009 thời hạn vay 11 tháng, lãi suất 10,5%/năm; và*
- (5) Các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng với các mức lãi suất từ 0%/tháng - 9%/tháng.*

**4.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

**Error! Not a valid link.**

**4.11 Chi phí phải trả**

**Error! Not a valid link.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

**Error! Not a valid link.**

(\*) *Khoản phải trả Bộ Công thương là kinh phí sẽ bị thu hồi tương ứng với 60% số tiền đã sử dụng cho dự án: “Hoàn thiện quy trình sản xuất cao đặc 10% Lutein từ hoa cúc vạn thọ (*Tagetes erecta* L) để làm thuốc và thực phẩm chức năng” thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hóa được đến năm 2020. (Xem tại thuyết minh số 4.15).*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.13 Vay và nợ dài hạn**

**Error! Not a valid link.**

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 03/2007/HĐTD ngày 01/06/2007 với số tiền 23.500.000.000 đồng và phụ lục sửa đổi số 3B/2007/HĐTD ngày 26/09/2007 số tiền 21.139.383.000 đồng, lãi suất 7,8%/năm. Thời gian trả nợ gốc đến hết năm 2014.

(2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/07/HĐ ngày 02/02/2007, với thời hạn vay là 4 năm và các Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng: số 01/2008/BSHD ngày 10/03/2008 về việc điều chỉnh lãi suất cho vay 1,4%/tháng, số 33/2008/BSHD ngày 23/06/2008 về việc điều chỉnh lãi suất cho vay 21%/năm, số 59/2008/BSHD ngày 30/06/2008 và số 30/TB-HX về việc gia hạn lịch trả nợ gốc vay. Số tiền nợ gốc phải trả trong năm 2010 là 850.000.000 đồng; và

(3) Các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng phát sinh năm 2007 và năm 2008 với các mức lãi suất từ 0%/tháng đến 9%/tháng.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.14 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

**Error! Not a valid link.**

*Ghi chú (\*): Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại số dư tài sản, công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2009 theo thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

*b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Error! Not a valid link.

(\*) Các thành viên đã rút khỏi Hội đồng quản trị

**4.15 Nguồn kinh phí**

*Số dư nguồn kinh phí tại ngày 31/12/2009 với số tiền: 456.000.000 đồng, là do: Trong năm 2008, Công ty đã nhận được khoản tạm ứng đợt 1 từ nguồn kinh phí của Bộ Công Thương cấp cho hoạt động của Dự án “Hoàn thiện quy trình sản xuất cao đặc 10% Lutein từ hoa cúc vạn thọ (*Tagetes erecta* L) để làm thuốc và thực phẩm chức năng”, với tổng số tiền chuyển vào tài khoản tại Kho bạc 800.000.000 đồng, Công ty đã sử dụng hết 344.000.000 đồng;*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Error! Not a valid link.

**5.2 Giá vốn hàng bán**

Error! Not a valid link.

**5.3 Chi phí tài chính**

Error! Not a valid link.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.4 Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp theo yếu tố**

Error! Not a valid link.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**5.5 Thu nhập khác**

Error! Not a valid link.

**5.6 Chi phí khác**

Error! Not a valid link.

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

**a) Giao dịch với các bên liên quan**

Error! Not a valid link.

**b) Số dư với các bên liên quan**

Error! Not a valid link.

**6.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY, trong năm Công ty đã phân loại lại số dư đầu kỳ, cụ thể:

Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” được phân loại lại. Theo đó, số dư tại ngày 01/01/2009 của khoản mục này giảm đi 4.151.999.061 đồng, khoản mục “Chi phí khác” tăng lên số tiền tương ứng so với số liệu năm 2008 đã được kiểm toán.

---

**Hoàng Minh Châu**  
Tổng Giám đốc  
Nam Định, ngày 05 tháng 04 năm 2010

---

**Dương Lệ Hường**  
Kế toán trưởng